

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGD - ST

Ngày: 17/8/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Vinh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Minh.

Bà Lưu Thị Sen.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Hải là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2020/TLST-HNGD ngày 12 tháng 5 năm 2020 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXX-ST ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị O – SN: 1990 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn CT, xã MT, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu Vân – Trợ giúp viên pháp lý. Công tác tại Trung tâm trợ giúp pháp lý số 2, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Bùi Văn D - Sinh năm 1990. (Vắng mặt lần thứ hai).

Địa chỉ: Thôn CT, xã MT, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 04/5/2020, được bổ sung trong bản tự khai nguyên đơn là chị Bùi Thị O trình bày: Chị và anh Bùi Văn D tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 11/2010 đến ngày 08/4/2011 chị và anh D mới đến Ủy ban nhân dân xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lặc làm thủ tục kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D có quan hệ ngoại tình với người khác và kể từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là Bùi Tuấn V – Sinh ngày 20/5/2011 và Bùi Tuấn T – Sinh ngày 09/4/2014, kể từ khi vợ chồng sống ly thân chị là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con. Chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cả hai con cho chị nuôi dưỡng và yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị mỗi tháng một cháu là 1.000.000đ hai cháu là 2.000.000đ một tháng cho đến khi các con thành niên.

Về tài sản: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu Vân thống nhất với nội dung trình bày của chị Bùi Thị O, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết

Anh Bùi Văn D có mặt theo địa chỉ ghi trong đơn khởi kiện, nhưng khi Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, quyết định phân công Thẩm phán giải quyết vụ án cho anh D, thì không gặp được anh D với lý do anh D cố tình lẩn tránh vắng mặt, Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh D, nhưng không thực hiện được, nên Tòa án phải lập biên bản không tổng đạt được và tiến hành niêm yết các loại văn bản giấy tờ tố tụng theo quy định của pháp luật, Tòa án xét thấy việc anh D vắng mặt thuộc trường hợp bị đơn cố tình lẩn tránh, từ chối khai báo, nên tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện việc tuân theo pháp luật phù hợp với quy định pháp luật, việc bị đơn vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa là bị đơn tự bỏ đi quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Bùi Thị O được ly hôn anh Bùi Văn D và giao cả hai con cho chị O nuôi dưỡng, buộc anh D phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị O, mỗi tháng một cháu là 1.000.000đ hai cháu là 2.000.000đ một tháng cho đến khi các con thành niên. Miễn án phí ly hôn cho chị O và buộc anh D chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày chị O và giấy chứng nhận kết hôn giữa anh D và chị O xác định quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh D là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyện vọng ly hôn của chị O thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D không trình bày ý kiến về việc chị O xin ly hôn, không tham gia phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa, điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị O.

[2]. Về con chung: Căn cứ lời trình bày của chị O và giấy khai sinh của các con đủ cơ sở xác định chị O và anh D có 02 con chung là Bùi Tuấn V – Sinh ngày 20/5/2011 và Bùi Tuấn T – Sinh ngày 09/4/2014. Xét đề nghị của chị O, xin được

nuôi con và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án anh D không trình bày ý kiến về việc giao nuôi con, nên không có căn cứ giao con cho anh D. Đề nghị nuôi con của chị O phù hợp với nguyện vọng của cháu V và mức cấp dưỡng nuôi con chị O đề nghị phù hợp với thực tế của địa phương, nên chấp nhận đề nghị của chị O.

[3]. Về tài sản: Chị Bùi Thị O không đề nghị Tòa án giải quyết và anh Bùi Văn D cũng không có ý kiến về phân tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về phân tài sản.

[4]. Về trình tự thủ tục giải quyết vắng mặt anh Bùi Văn D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong đơn khởi kiện chị O đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của người bị kiện là anh Bùi Văn D. Việc Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho anh D là do anh Bùi Văn D cố tình lẩn tránh vắng mặt, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, Hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Chị Bùi Thị O và anh Bùi Văn D thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nên miễn án phí ly hôn cho chị Oanh và miễn án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ cho anh D theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227 và khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị O.

* Về hôn nhân: Chị Bùi Thị O được ly hôn anh Bùi Văn D.

* Về con chung: Giao 02 con là Bùi Tuấn V – Sinh ngày 20/5/2011 và Bùi Tuấn T – Sinh ngày 09/4/2014 cho chị Bùi Thị O trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên. Buộc anh Bùi Văn D phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị Bùi Thị O, mỗi tháng một cháu là 1.000.000đ hai cháu là 2.000.000đ một tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2020 cho đến khi các con thành niên. Anh Bùi Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, ngăn cấm.

* Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm vụ án ly hôn cho chị Bùi Thị O, chị O đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật. Anh Bùi Văn D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

* Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị O và anh Bùi Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan THA huyện Ngọc Lặc;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lặc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Vinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan THA huyện Ngọc Lặc;
- Các đương sự;
- UBND xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Vinh

* Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Mạnh được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn Hiếu được quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan THA huyện Ngọc Lặc;
- Các đương sự;
- UBND xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lặc;
- Lưu hồ sơ.

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Vinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan THA huyện Ngọc Lặc;
- Các đương sự;
- UBND xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lặc;
- Lưu hồ sơ.

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Vinh